

MẪU NHÃN THUỐC ĐĂNG KÝ

3 - NHÃN CHAI DASAVIT (Chai 500 viên nang cứng)

CÔNG THỨC:		Equivalent to	
Vitamin B1	5mg	Thiamine mononitrate	5mg
Vitamin B2	2mg	Riboflavine	2mg
Vitamin B5	10mg	Calcium pantothenate	10mg
Vitamin B6	2mg	Pyridoxine hydrochloride	2mg
Vitamin PP	10mg	Nicotinamide	10mg
Tá dược	và 1 viên nang	Excipients q.s.p	1 capsule

CHỈ ĐỊNH, LIỀU DÙNG - CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH, THẬN TRỌNG VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC :
Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

CÔNG TY TNHH SX-TM DƯỢC PHẨM N.I.C
Lô 11D, Đường C, KCN Tân Tạo, Q.Bình Tân, Tp.HCM

500 Viên nang cứng
DASAVIT
BỘ SƯNG VITAMIN

THUỐC DÙNG CHO BỆNH VIỆN

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG ĐỂ XA TẮM TAY CỦA TRẺ EM BẢO QUẢN NƠI KHÔ MÁT (NHIỆT ĐỘ ≤ 30°C), TRÁNH ÁNH SÁNG.

SẢN XUẤT THEO TCCS
SEK :

Mã Vạch

Số lô SX :
Ngày SX :
Hạn dùng :

N.I.C PHARMA Co., Ltd
Block 11D, Road C, Tan Tao IP, Binh Tan Dist, HCMC

**BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT**

Lần đầu: 01 / 11 / 2013

Tp.HCM, ngày 15 tháng 11 năm 2011
KT Tổng Giám Đốc



ĐS. NGUYỄN TRUNG KIẾN

MẪU NHÃN THUỐC ĐĂNG KÝ

1 - NHÃN CHAI DASAVIT (Chai 200 viên nang cứng)

CÔNG THỨC:		Equivalent to
Vitamin B1	5mg	Thiamine mononitrate 5mg
Vitamin B2	2mg	Riboflavin 2mg
Vitamin B5	10mg	Calcium pantothenate 10mg
Vitamin B6	2mg	Pyridoxine hydrochloride 2mg
Vitamin PP	10mg	Nicotinamide 10mg
Tá dược vđ	1 viên nang	Excipients q.s.p 1 capsule

CHỈ ĐỊNH, LIỀU DÙNG - CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH, THẬN TRỌNG VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:
Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

CÔNG TY TNHH SX-TM DƯỢC PHẨM N.I.C
Lô 11D, Đường C, KCN Tân Tạo, Q.Bình Tân, Tp.HCM

200 Viên nang cứng
DASAVIT
BỔ SUNG VITAMIN

PHARMACEUTICAL CO., LTD
N.I.C PHARMA Co., Ltd
GMP-WHO

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
ĐỂ XA TẮM TAY CỦA TRẺ EM
BẢO QUẢN NƠI KHÔ MÁT (NHỆT ĐỘ ≤ 30°C),
TRÁNH ÁNH SÁNG.

SẢN XUẤT THEO TCCS
SEK :

Mã Vạch

Số lô SX :
Ngày SX :
Hạn dùng :

N.I.C PHARMA Co., Ltd
Block 11D, Road C, Tân Tạo IP, Bình Tân Dist, HCMC

2 - NHÃN CHAI DASAVIT (Chai 400 viên nang cứng)

CÔNG THỨC:		Equivalent to
Vitamin B1	5mg	Thiamine mononitrate 5mg
Vitamin B2	2mg	Riboflavin 2mg
Vitamin B5	10mg	Calcium pantothenate 10mg
Vitamin B6	2mg	Pyridoxine hydrochloride 2mg
Vitamin PP	10mg	Nicotinamide 10mg
Tá dược vđ	1 viên nang	Excipients q.s.p 1 capsule

CHỈ ĐỊNH, LIỀU DÙNG - CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH, THẬN TRỌNG VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:
Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

CÔNG TY TNHH SX-TM DƯỢC PHẨM N.I.C
Lô 11D, Đường C, KCN Tân Tạo, Q.Bình Tân, Tp.HCM

400 Viên nang cứng
DASAVIT
BỔ SUNG VITAMIN

PHARMACEUTICAL CO., LTD
N.I.C PHARMA Co., Ltd
GMP-WHO

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
ĐỂ XA TẮM TAY CỦA TRẺ EM
BẢO QUẢN NƠI KHÔ MÁT (NHỆT ĐỘ ≤ 30°C),
TRÁNH ÁNH SÁNG.

SẢN XUẤT THEO TCCS
SEK :

Mã Vạch

Số lô SX :
Ngày SX :
Hạn dùng :

N.I.C PHARMA Co., Ltd
Block 11D, Road C, Tân Tạo IP, Bình Tân Dist, HCMC

THUỐC DÙNG CHO BỆNH VIỆN

Tp.HCM, ngày 15 tháng 11 năm 2011

K.T. Tổng Giám Đốc



ĐS. NGUYỄN TRUNG KIÊN

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Viên nang cứng DASAVIT

DASAVIT Viên nang cứng

- **Công thức bào chế :**

Vitamin B ₁	5 mg
Vitamin B ₂	2 mg
Vitamin B ₅	10 mg
Vitamin B ₆	2 mg
Vitamin PP	10 mg
Tá dược	vừa đủ 1 viên nang cứng

(Tinh bột sắn, bột talc, magnesi stearat, nước RO)

- **Tác dụng dược lý**

Dược lực học

- **Vitamin B₁:** Thiamin thực tế không có tác dụng dược lý ngay cả ở liều cao. Thiamin pyrophosphat, dạng có hoạt tính sinh lý, là coenzym chuyển hoá carbohydrat làm nhiệm vụ khử carboxyl của các alpha cetoacid như pyruvat và alpha cetoglutarat và trong việc sử dụng pentose trong chu trình hexose monophosphat.

Khi thiếu hụt thiamin sự oxy hoá alpha cetoacid bị ảnh hưởng, làm cho nồng độ pyruvat trong máu tăng (điều này giúp chẩn đoán thiếu thiamin)

Thiếu thiamin sẽ gây bệnh beri-beri (bệnh tê phù). Thiếu nhẹ biểu hiện trên bệnh thần kinh (beri-beri khô) như viêm thần kinh ngoại biên, rối loạn cảm giác các chi, có thể tăng hoặc mất cảm giác. Trạng thái cơ bắp mất dần và có thể gây ra chứng bại chi hoặc liệt một chi nào đó. Thiếu hụt trầm trọng gây rối loạn nhân cách, trầm cảm, thiếu sáng kiến và trí nhớ kém như bệnh não Vernicke và nếu điều trị muộn sẽ gây loạn tâm thần Korakoff.

Các triệu chứng tim mạch do thiếu thiamin bao gồm khó thở khi gắng sức, đánh trống ngực nhịp tim nhanh và rối loạn khác trên tim được biểu hiện là rối loạn điện tâm đồ và bằng suy tim có cung lượng tim cao. Sự suy tim như vậy gọi là bệnh beri-beri ướt.

- **Vitamin B₂:** Khi uống hoặc tiêm sẽ biến đổi thành 2 co-enzym là flavin mononucleotid (FMN) và flavin adenin dinucleotid (FAD), là các dạng co enzym hoạt động cần cho hô hấp của mô. Riboflavin cũng cần cho sự chuyển hoá pyridoxin, sự chuyển hoá tryptophan thành niacin, và liên quan đến toàn vẹn của hồng cầu.

- **Vitamin B₅:** (Dexpanthenol, calci pantothenat) là tiền chất của co-enzym A cần cho phản ứng acetyl hoá trong tân tạo glucose, giải phóng năng lượng từ carbohydrat, tổng hợp và thoái biến acid béo, tổng hợp sterol và nội tiết tố steroid, porphyrin, acetylcholin và những hợp chất khác. Acid pantothenic cần cho chức năng bình thường của các mô.

- **Vitamin B₆** tồn tại dưới 3 dạng: Pyridoxal, pyridoxin và pyridoxamin. Khi vào cơ thể sẽ chuyển thành pyridoxal phosphat và một phần thành pyridoxamin phosphat. Hai chất này hoạt động như những coenzym trong chuyển hoá protein, glucid và lipid. Pyridoxin tham gia tổng hợp acid gamma aminobutyric (GABA) trong hệ thần kinh trung ương và tham gia tổng hợp hemoglobulin.

- **Vitamin PP:** Trong cơ thể Nicotinamid sau khi chuyển thành nicotinamid adenin dinucleotid (NAD) hoặc nicotinamid adenin phosphat (NADP). NAD và NADP có vai trò sống còn trong chuyển hoá, như một coenzym xúc tác các phản ứng oxy hoá khử cần thiết cho hô hấp tế bào, phân giải glycogen và chuyển hoá lipid. Trong các phản ứng đó có các coenzym này có tác dụng như những phân tử vận chuyển hydro.

Thiếu vitamin PP sẽ bị bệnh Pellagra và các bệnh trên đường tiêu hoá, da và hệ thần kinh trung ương. Bổ sung vitamin PP sẽ làm mất các triệu chứng trên.

Dược động học

- **Vitamin B1:** Sự hấp thu thiamin trong ăn uống hàng ngày qua đường tiêu hoá là do sự vận chuyển tích cực phụ thuộc Na^+ . Khi nồng độ thiamin trong đường tiêu hoá cao sự khuếch tán thụ động cũng quan trọng. Tuy vậy hấp thu liều cao bị hạn chế. Ở người lớn 1 mg bị giáng hoá hoàn toàn mỗi ngày trong các mô, và đó chính là lượng tối thiểu hàng ngày. Khi hấp thu ở mức độ thấp này, có rất ít hoặc không thấy vitamin B1 thải trừ qua nước tiểu. Khi hấp thu vượt quá nhu cầu tối thiểu, các kho chứa vitamin ở các mô đầu tiên được bão hoà, sau đó lượng thừa được thải trừ qua nước tiểu dưới dạng phân tử thiamin nguyên vẹn. Khi hấp thu thiamin tăng lên hơn nữa, thải trừ dưới dạng thiamin chưa biến hoá sẽ tăng lên.
- **Vitamin B2:** Riboflavin hấp thu chủ yếu ở tá tràng. Các chất chuyển hoá của vitamin B2 được phân bố vào các mô trong cơ thể và vào sữa, một lượng nhỏ được dự trữ ở gan, lách, tim và thận. Sau khi uống hoặc tiêm, khoảng 60% FAD và FMN gắn vào protein huyết tương, đào thải qua thận. Lượng đưa vào vượt quá sự cần thiết của cơ thể sẽ thải trừ dưới dạng không đổi trong nước tiểu. Riboflavin còn thải theo phân. Ở người thẩm phân màng bụng và lọc máu nhân tạo, vitamin B2 cũng được đào thải nhưng chậm hơn ở người có chức năng thận bình thường. Riboflavin có đi qua nhau thai và đào thải qua sữa mẹ.
- **Vitamin B5:** Sau khi uống, acid pantothenic dễ hấp thu qua đường tiêu hoá. Nồng độ pantothenat bình thường trong huyết tương là 100 microgam/ ml hoặc hơn. Dexpanthenol dễ dàng chuyển hoá thành acid pantothenic, chất này phân bố rộng rãi trong các mô trong cơ thể, chủ yếu dưới dạng co-enzym A. Nồng độ cao nhất thấy trong gan, tuyến thượng thận, tim và thận. Sữa người mẹ cho con bú, ăn chế độ bình thường, chứa khoảng 2 microgam acid pantothenic trong 1 ml. Khoảng 70% liều acid pantothenic uống thải trừ ở dạng không biến đổi trong nước tiểu và khoảng 30% trong phân.
- **Vitamin B6:** Pyridoxin được hấp thu nhanh chóng qua đường tiêu hoá. Sau khi uống thuốc phần được tích trữ ở gan và một phần lớn ở não. Pyridoxin thải trừ chủ yếu qua thận dưới dạng chuyển hoá. Lượng đưa vào, nếu vượt quá nhu cầu hàng ngày, phần lớn được đào thải dưới dạng không biến đổi.
- **Vitamin PP:** Vitamin PP hấp thu nhanh qua đường tiêu hoá sau khi uống và phân bố rộng khắp vào các mô của cơ thể. Acid nicotinic có trong sữa người. Nửa đời thải trừ của thuốc khoảng 45 phút. Nicotinamid chuyển hoá ở gan thành N – methylnicotinamid với liều thông thường, chỉ có một lượng nhỏ nicotinamid bài tiết vào nước tiểu ở dạng không đổi, tuy nhiên khi dùng liều lớn thì lượng thuốc bài tiết dưới dạng không thay đổi sẽ tăng lên.
- **Chỉ định :**
 - Dùng để bổ sung vitamin B và PP thiếu hụt hoặc đáp ứng nhu cầu của cơ thể tăng trong các trường hợp: Thể chất yếu kém, chán ăn, mệt mỏi, phụ nữ có thai và cho con bú, trẻ đang phát triển, người lớn tuổi.
- **Liều dùng :**
 - Người lớn : Mỗi lần 2 viên , ngày 2 – 3 lần
 - Trẻ em : Mỗi lần 1 viên , ngày 2 lần
- **Chống chỉ định :**
 - Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc
 - Bệnh gan nặng.
 - Loét dạ dày tiến triển

- Xuất huyết động mạch
 - Hạ huyết áp nặng
 - **Tương tác thuốc :**
 - Rượu, probenecid có thể gây cản trở hấp thu vitamin B2.
 - Một số hợp chất đối kháng với tác dụng của vitamin B5: Avidin, biotin sulfon, desthiobiotin và một vài acid imidazolidon carboxylic.
 - Thuốc tránh thai uống có thể làm tăng nhu cầu về vitamin B6. Vitamin B6 làm giảm tác dụng của levodopa trong điều trị bệnh Parkinson.
 - Sử dụng vitamin PP với chất ức chế men khử HGM-CoA có thể làm tăng nguy cơ gây tiêu cơ vân. Vitamin PP làm hạ huyết áp quá mức khi dùng đồng thời với thuốc chẹn alpha-adrenergic. Không dùng đồng thời vitamin PP với carbamazepin hoặc các thuốc có độc tính với gan vì vitamin PP có thể làm tăng độc tính.
 - **Tác dụng không mong muốn:**
 - Nước tiểu có thể bị vàng do vitamin B2.
 - Dùng vitamin B6 liều từ 200mg/ngày và dài ngày (trên 2 tháng) có thể gây bệnh thần kinh ngoại vi nặng, tiến triển từ đáng đi không vững và tê cứng bàn chân và vùng về bàn tay. Tình trạng này có thể phục hồi khi ngừng dùng thuốc, mặc dù vẫn còn để lại ít nhiều di chứng.
 - **Vitamin PP:** Liều nhỏ nicotinamid thường không độc, tuy nhiên nếu dùng liều cao, như trong trường hợp điều trị pellagra, có thể xảy ra một số tác dụng phụ sau đây, những tác dụng phụ này sẽ hết sau khi ngừng thuốc:
 - + **Thường gặp:** Tiêu hóa (buồn nôn), khác (đỏ bừng mặt và cổ, ngứa, cảm giác rát bỏng, buốt hoặc đau nhói ở da)
 - + **Ít gặp:** Tiêu hóa (loét dạ dày tiến triển, nôn, chán ăn, đau khi đói, đầy hơi, ỉa chảy), da (khô da, tăng sắc tố, vàng da), chuyển hóa (suy gan, giảm dung nạp glucose, tăng tiết tuyến bã nhờn, làm bệnh gút nặng thêm), khác (tăng glucose huyết, tăng uric huyết, cơn phế vị-huyết quản, đau đầu và nhìn mờ, hạ huyết áp, chóng mặt, tim đập nhanh ngất).
 - + **Hiếm gặp:** Lo lắng, hốt hoảng, glucose niệu, chức năng gan bất bình thường [bao gồm tăng bilirubin huyết thanh, tăng AST (SGOT), ALT (SGPT) và LDH], thời gian prothrombin bất bình thường, hạ albumin huyết, choáng phản vệ
- Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.**
- **Phụ nữ có thai và cho con bú:**
 - Được sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú
 - **Sử dụng cho người lái xe và vận hành máy móc:**
 - Vì thuốc có thể gây đau đầu và nhìn mờ nên thận trọng cho người lái xe và vận hành máy móc.
 - **Quá liều và xử trí:**
 - **Vitamin B6:** Liều cao và kéo dài trên 200 mg/ ngày, sử dụng trên 2 tháng dẫn đến ngộ độc vitamin B6, biểu hiện thần kinh ngoại vi. Nếu có hiện tượng quá liều thì ngưng dùng thuốc và điều trị triệu chứng.
 - **Vitamin PP:** Dùng liều cao (>1500 mg/ ngày) có thể dẫn đến quá liều vitamin PP. Khi quá liều xảy ra, không có biện pháp giải độc đặc hiệu. Sử dụng các biện pháp thông thường như gây nôn, rửa dạ dày, điều trị triệu chứng và hỗ trợ.
 - **Trình bày :**

- Chai 200 viên nang cứng.
- Chai 400 viên nang cứng.
- Chai 500 viên nang cứng.
- **Hạn dùng :**
 - 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
- **Bảo quản :**
 - Nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

- **Tiêu chuẩn : TCCS**

ĐỀ XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN CỦA THẦY THUỐC

KHÔNG DÙNG THUỐC QUÁ HẠN SỬ DỤNG GHI TRÊN HỘP

CÔNG TY TNHH SX-TM DƯỢC PHẨM NIC (NIC-PHARMA)

Lô 11D đường C – KCN Tân Tạo – Q.Bình Tân – TP.HCM

ĐT : 37.541.999 Fax : 37.543.999

TP.HCM, ngày 24 tháng 12 năm 2012

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC




ĐS. TRẦN THỊ MINH HIỀN

Mẫu 3/ ACTD

TỜ THÔNG TIN CHO BỆNH NHÂN

1. Tên sản phẩm: DASAVIT

2. Mô tả sản phẩm: Viên nang cứng số 3, hai màu vàng và xám, bột thuốc trong nang màu vàng.

3. Thành phần của thuốc:

Mỗi nang cứng chứa:

Vitamin B₁5 mg

Vitamin B₂2 mg

Vitamin B₅10 mg

Vitamin B₆2 mg

Vitamin PP10 mg

(Tá dược: Tinh bột sắn, bột talc, magnesi stearat, nước RO)

4. Hàm lượng của thuốc: Vitamin B₁ 5mg, Vitamin B₂ 2mg, Vitamin B₅ 10mg, Vitamin B₆ 2mg, Vitamin PP 10mg.

5. Thuốc dùng cho bệnh gì?

- Dùng để bổ sung vitamin B và PP thiếu hụt hoặc đáp ứng nhu cầu của cơ thể tăng trong các trường hợp: Thể chất yếu kém, chán ăn, mệt mỏi, phụ nữ có thai và cho con bú, trẻ đang phát triển, người lớn tuổi.

6. Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng?

- Người lớn : Mỗi lần 2 viên, ngày 2 – 3 lần
- Trẻ em : Mỗi lần 1 viên, ngày 2 lần

7. Khi nào không nên dùng thuốc này?

- Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.
- Bệnh gan nặng.
- Loét dạ dày tiến triển
- Xuất huyết động mạch
- Hạ huyết áp nặng

8. Tác dụng không mong muốn:

- Nước tiểu có thể bị vàng do vitamin B₂.
- Dùng vitamin B₆ liều từ 200mg/ngày và dài ngày (trên 2 tháng) có thể gây bệnh thần kinh ngoại vi nặng, tiến triển từ đáng đi không vững và tê cứng bàn chân và vụng về bàn tay. Tình trạng này có thể phục hồi khi ngừng dùng thuốc, mặc dù vẫn còn để lại ít nhiều di chứng.

- **Vitamin PP:** Liều nhỏ nicotinamid thường không độc, tuy nhiên nếu dùng liều cao, như trong trường hợp điều trị pellagra, có thể xảy ra một số tác dụng phụ sau đây, những tác dụng phụ này sẽ hết sau khi ngừng thuốc:
 - + **Thường gặp:** Tiêu hóa (buồn nôn), khác (đỏ bừng mặt và cổ, ngứa, cảm giác rát bỏng, buốt hoặc đau nhói ở da)
 - + **Ít gặp:** Tiêu hóa (loét dạ dày tiến triển, nôn, chán ăn, đau khi đói, đầy hơi, ỉa chảy), da (khô da, tăng sắc tố, vàng da), chuyển hóa (suy gan, giảm dung nạp glucose, tăng tiết tuyến bã nhờn, làm bệnh gút nặng thêm), khác (tăng glucose huyết, tăng uric huyết, cơn phế vị-huyết quản, đau đầu và nhìn mờ, hạ huyết áp, chóng mặt, tim đập nhanh, ngất).
 - + **Hiếm gặp:** Lo lắng, hốt hoảng, glucose niệu, chức năng gan bất bình thường [bao gồm tăng bilirubin huyết thanh, tăng AST (SGOT), ALT (SGPT) và LDH], thời gian prothrombin bất bình thường, hạ albumin huyết, choáng phản vệ

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

9. Nên tránh các loại thuốc hoặc thực phẩm gì khi đang sử dụng thuốc này?

- Rượu, probenecid có thể gây cản trở hấp thu vitamin B2.
- Một số hợp chất đối kháng với tác dụng của vitamin B5: Avidin, biotin sulfon, desthiobiotin và một vài acid imidazolidon carboxylic.
- Thuốc tránh thai uống có thể làm tăng nhu cầu về vitamin B6. Vitamin B6 làm giảm tác dụng của levodopa trong điều trị bệnh Parkinson.
- Sử dụng vitamin PP với chất ức chế men khử HGM-CoA có thể làm tăng nguy cơ gây tiêu cơ vân. Vitamin PP làm hạ huyết áp quá mức khi dùng đồng thời với thuốc chẹn alpha-adrenergic. Không dùng đồng thời vitamin PP với carbamazepin hoặc các thuốc có độc tính với gan vì vitamin PP có thể làm tăng độc tính.

10. Cần làm gì khi một lần quên dùng thuốc.

- Tiếp tục dùng thuốc theo sự chỉ định của Thầy thuốc. Không dùng liều gấp đôi khi một lần quên dùng thuốc.

11. Cần bảo quản thuốc này như thế nào?

- Nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

12. Những dấu hiệu và triệu chứng khi dùng thuốc quá liều.

- Vitamin B6: Liều cao và kéo dài trên 200 mg/ ngày, sử dụng trên 2 tháng dẫn đến ngộ độc vitamin B6, biểu hiện thần kinh ngoại vi
- Dùng liều cao (>1500 mg/ ngày) có thể dẫn đến quá liều vitamin PP

13. Cần phải làm gì khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo.

- Quá liều vitamin B6: Ngưng dùng thuốc và điều trị triệu chứng

- Quá liều vitamin PP không có biện pháp giải độc đặc hiệu. Sử dụng các biện pháp thông thường như gây nôn, rửa dạ dày, điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

14. Tên của nhà sản xuất sản phẩm:

- Công ty TNHH SX – TM dược phẩm N.I.C.

15. Những điều cần thận trọng khi dùng thuốc này.

- Nước tiểu có thể bị vàng do vitamin B2.
- Phản ứng dị ứng, biểu hiện thần kinh ngoại vi.

16. Khi nào cần tham vấn bác sĩ?

- Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn khi sử dụng thuốc.

17. Ngày xem xét sửa đổi lại tờ thông tin cho bệnh nhân: 24/12/2012.

TP.HCM, ngày 24 tháng 12 năm 2012

CTY TNHH SX – TM DƯỢC PHẨM NIC

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Văn Thanh



DS. TRẦN THỊ MINH HIỀN

Được